TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16/12/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn giữa chị Mè Thị N và anh Vũ Đức D

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Thoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Sang;

2. Bà Nguyễn Thị Nhiễu

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Lại Nhật Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Hưng Yên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5- Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 166/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2025 về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47A2025/QĐXX - ST ngày 10 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 32/2025/QĐ-HPT ngày 28 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Mè Thị N**, sinh năm 1992;

Địa chỉ thường trú: Thôn MH, xã VT, tỉnh HY.

Nơi ở hiện nay: số nhà 15, thôn xóm G, xã ĐH, tỉnh QN

- Bị đơn: Anh **Vũ Đức D**, sinh năm 1986.

Địa chỉ thường trú: Thôn MH, xã VT, tỉnh HY.

(Chị N có đơn xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 8 năm 2025, bản tự khai đề ngày 05 tháng 9 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Mè Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Mè Thị N và anh Vũ Đức D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã DN, huyện VT, tỉnh TB (nay là xã VT2, tỉnh HY) vào ngày 19 tháng 9 năm 2016. Sau khi kết hôn, chị N và anh D sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 02 năm 2025 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Tháng 02 năm 2025, anh D có hành vi bạo lực, cầm dao đuổi chém chị N. Trong thời gian chung sống, anh D không quan tâm tới gia đình, không đưa tiền hàng tháng để giúp chị N nuôi con. Anh D suốt ngày ham mê chơi lô đề, cờ bạc, không có trách nhiệm chăm sóc con cái. Nay xét thấy tình cảm không còn hạnh phúc, chị N đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Hưng Yên giải quyết cho chị N được ly hôn với anh D. Chị N đã nhiều lần cho anh D cơ hội sửa chữa nhưng anh D không thay đổi. Trường hợp anh D xin đoàn tụ, chị N cương quyết không đồng ý.

- Về quan hệ con chung: Chị Mè Thị N và anh Vũ Đức D có 2 con chung là: Vũ Đức Minh N, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2017 và Vũ Minh A, sinh ngày 20 tháng 2 năm 2021. Hiện nay, anh D đang quản lý 2 con tại nhà ở thôn MH, xã VT2, tỉnh HY nhưng cấm cản chị N, không cho chị được thăm gặp, nuôi dưỡng con. Anh D còn trao đổi với cô giáo nơi các con học tập, không cho chị N đón con. Con lớn là Vũ Đức Minh N hiện đang học lớp 3A2, học tại Trường Tiểu học DN. Con thứ hai là Vũ Minh A đang học lớp 4 tuổi, học tại Trường Mầm non DN. Hiện nay, bố mẹ anh D không có mặt tại địa phương, chỉ có anh D nuôi dưỡng 02 con của vợ chồng anh chị tại nhà của bố mẹ đẻ anh D là ông Vũ Đức H và bà Nguyễn Thị T, địa chỉ tại thôn MH, xã VT2, tỉnh HY. Bản thân anh D trước đây có đi làm công nhân tại tỉnh TB (nay thuộc tỉnh HY). Tại thời điểm hiện tại, chị N không rõ anh D có đi làm không và có thu nhập như thế nào. Từ trước đến nay, việc nuôi dưỡng và đóng học phí cho con chủ yếu do chị N đảm nhận. Từ khi ly thân tháng 02 năm 2025 đến tháng 6 năm 2025, chị N vẫn đóng tiền ăn học cho 2 con hàng tháng. Sau đó, anh D đóng tiền học và tiền nuôi dưỡng cho 2 con. Hiện nay, công việc chính của chị N là bán hàng online và trực tiếp nhận dạy online cho những người có nhu cầu xây kênh bán hàng trên mạng internet. Thu nhập của chị được thể hiện trên tài khoản ngân hàng qua số tài khoản 0976628abc tại ngân hàng HDBank. Hiện chị N đang ở với bố mẹ đẻ tại nhà ông Mè Đức C và bà Trịnh Thị T, địa chỉ: số nhà 15, xóm G, xã ĐH, tỉnh QN. Sau khi ly hôn, tại đơn khởi kiện ngày 27/8/2025 chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng. Tại bản tự khai ngày 05/9/2025 chị N thể hiện nguyện vọng muốn nuôi dưỡng con Vũ

Minh A vì hiện nay con còn rất nhỏ, cần sự chăm sóc, yêu thương từ người mẹ. Chị N không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cùng chị. Nếu chị Ngọc được nuôi cháu Minh A, gia đình bên mẹ đẻ chị sẽ tạo điều kiện cho chị có chỗ ở ổn định lâu dài và chăm sóc tốt nhất để cháu Vũ Minh A phát triển toàn diện. Trường hợp được ly hôn, chị tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ tài sản: Chị N và anh D không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình Toà án thụ lý và giải quyết vụ án, Thư ký Toà án đã tống đạt văn bản tố tụng của Toà án cho anh Vũ Đức D theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị UBND xã nơi anh D sinh sống và làm việc báo cho anh và đại diện gia đình anh đến UBND xã để trình bày quan điểm về yêu cầu xin ly hôn của chị Mè Thị N nhưng anh cùng gia đình từ chối nên Toà án không thể ghi nhận quan điểm của anh và gia đình.

3. Biên bản xác minh tại UBND xã VT, tỉnh HY ngày 05/11/2025, địa phương cung cấp như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Mè Thị N và anh Vũ Đức D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã DN, huyện VT, tỉnh TB (nay là UBND xã VT2, tỉnh HY) vào ngày 19 tháng 9 năm 2016. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc tại gia đình chồng chị N ở xã DN cũ. Đến năm 2024 thì nảy sinh mâu thuẫn, nhân mâu thuẫn cụ thể là gì thì địa phương không nắm rõ. Về việc anh chị có xô xát với nhau thì địa phương xác nhận là đúng. Thời điểm mâu thuẫn là vào khoảng tháng 02 năm 2025, sau khi vợ chồng xô xát vào đầu năm 2025 thì có báo với cơ quan công an xã và chính quyền thôn, nhưng xét sự việc chưa đến mức to tát nên cơ quan công an đề nghị anh chị tự giải quyết để ổn định cuộc sống gia đình. Từ đó anh chị đã sống ly thân cho đến nay. Hiện nay anh D vẫn đang sinh sống và làm việc tại địa phương, làm công trình xây dựng tại địa phương. Sáng anh đi làm, tối có về nhà, đồng thời trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy và đưa đón 2 con chung của anh và chị N. Anh D là người một mình trực tiếp nuôi hai con. Bố anh D hiện tại đã đi làm ăn xa, còn mẹ anh D hiện không có ở nhà. Hiện nay chị N đang sống tại nhà bố mẹ đẻ của chị tại xã ĐH, tỉnh QN. Bản thân chị N và anh D khi sinh sống tại địa phương cũng không vi phạm pháp luật gì. Địa phương có làm giấy báo cho anh D và đại diện gia đình anh đến UBND xã làm việc theo yêu cầu của Tòa án, nhưng anh và đại diện gia đình anh không đến, gọi điện thì không liên lạc được. Đề nghị tòa án tiếp tục giải quyết ly hôn vắng mặt vì anh cố tình không đến. Về mức thu nhập của anh D thì địa phương không nắm rõ.

- Về con chung: Anh D và chị N có 2 con chung là Vũ Đức Minh N, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2017 và Vũ Minh A, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2021. Hiện anh D đi làm gần nhà và trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 2 con. Về điều kiện vật chất và nơi ở, anh D cơ bản đảm bảo đủ điều kiện để nuôi dưỡng 2 con.

Hiện nay 2 cháu vẫn đang học tập tại điểm trường DN, trường mầm non và trường tiểu học. Trường hợp giải quyết ly hôn cho anh D chị N, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vấn đề nuôi con chung cho anh chị.

- Về tài sản và nợ chung: Anh chị không có khoản nợ chung đối với các tổ chức đoàn thể tại địa phương, đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của các đương sự và theo quy định pháp luật để giải quyết.

4. Biên bản làm việc tại Trường Tiểu học DN, xã VT2 ngày 05/11/2025, cô giáo chủ nhiệm lớp 3A2 - cô Phạm Thị MT cung cấp:

Cháu Vũ Đức Minh N là con chung của chị Mè Thị N và anh Vũ Đức D, có hộ khẩu thường trú tại thôn MH, xã VT2, tỉnh HY. Hiện nay, cháu N đang học tập tại lớp 3A2, trường Tiểu học DN. Trong quá trình học tập, anh D là người đưa đón cháu đi học và đóng tiền học phí đầy đủ cho cháu. Cô giáo và nhà trường nắm được thông tin rằng cháu đang sống cùng bố (mẹ của cháu hiện tại đã về nhà mẹ đẻ của chị N tại xã ĐH, tỉnh QN). Cháu N hiện nay đang ăn bán trú tại trường; sáng bố đưa đi học, chiều tối bố đón về. Cháu có tâm sự với cô giáo rằng cháu đều muốn ở cùng bố và mẹ. Thể chất và sức khỏe của cháu đều phát triển bình thường, khỏe mạnh, năng động.

Đối với chị N, chị có đưa đón cháu N hay không thì do cháu cũng đã nhận thức được nên tự ra tìm người nhà sau khi tan học, nên cô giáo và nhà trường không nắm rõ. Trước đây, chị N có đưa đón và đóng học phí cho cháu; kể từ khi cháu Nhật học lớp 1 thì việc này do anh D chủ động đảm nhiệm. Ngoài ra, nhà trường và cô giáo chủ nhiệm không cung cấp gì thêm.

5. Tại phiên tòa đại diện VKSND khu vực 5, tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình giao cả hai con chung cho chị Mè Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản: Chị N không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: căn cứ khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, chị N chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Chị Mè Thị N khởi kiện xin ly hôn với anh Vũ Đức D, người có đăng ký thường trú tại thôn MH, xã VT2, tỉnh HY]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên.

2. Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Mè Thị N và anh Vũ Đức D đăng ký kết hôn tại UBND xã DN, huyện VT, tỉnh TB (nay là xã VT2, tỉnh HY) vào ngày 19 tháng 9 năm 2016, là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích. Từ tháng 02 năm 2025 cho đến nay, anh chị sống ly thân, mỗi người một nơi. Chị N xin ly hôn, anh D không có mặt tại Tòa để trình bày nguyện vọng và cũng không có biện pháp để cải thiện tình cảm, chứng tỏ anh D đã không thiết tha với cuộc hôn nhân này, không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy quan hệ vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 4 Nghị quyết số 01/2024 ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử cho chị Mè Thị N được ly hôn với anh Vũ Đức D.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Vũ Đức Minh N, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2017 và Vũ Minh A, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2021. Chị N thay đổi nguyện vọng từ xin nuôi dưỡng 02 con sang xin nuôi dưỡng con Vũ Minh A, giữ nguyên quan điểm không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Theo trình bày của chị N và cô giáo chủ nhiệm lớp 3A2 cùng đại diện Ban giám hiệu Trường Tiểu học DN, xã VT2, đại diện cơ sở thôn, đại diện UBND xã và Công an xã VT2 cung cấp thì cả chị N và anh D từ trước đến nay đều quan tâm chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con và đóng học phí đầy đủ. Từ khi anh chị ly thân thì anh D là người trực tiếp nuôi dưỡng và đóng học phí cho 02 con, hàng ngày đưa đón 02 con đi học. Anh D không đến Tòa trình bày quan điểm, nguyện vọng nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, xét thấy thực tế, qua xác minh tại địa phương nơi anh D và hai con đang sinh sống thì 03 bố con anh Duy đang sống tại nhà bố mẹ đẻ anh D có điều kiện vật chất đảm bảo, ổn định tại thôn MH xã VT2, tỉnh HY; anh D có việc làm và hiện đang lao động tại địa phương nên có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con. Xác minh tại trường học nơi cháu Vũ Đức Minh N đang học tập thì thể chất, tinh thần và kết quả học tập của cháu Minh N

đều phát triển tốt; Cô giáo chủ nhiệm nắm bắt nguyện vọng cuả cháu Vũ Đức Minh N có nguyện vọng ở với cả bố và mẹ. Anh D không bị hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên. Vì vậy, xét thấy quyền lợi về mọi mặt của cháu Vũ Đức Minh N được đảm bảo khi anh D trực tiếp nuôi dưỡng và để ổn định cuộc sống và việc học tập cho con, tránh sự xáo trộn, cần giao con Vũ Đức Minh N cho anh Duy tiếp tục nuôi dưỡng. Chị N hiện lao động tự do, thu nhập không ổn định, vì vậy, cháu Vũ Minh A hiện còn nhỏ, giới tính nữ, cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp từ người mẹ, nên giao cho chị Ngọc trực tiếp nuôi dưỡng con Vũ Minh A. Việc giao cho anh D và chị N mỗi người nuôi một con là phù hợp với hoàn cảnh kinh tế hiện nay của hai anh chị và đảm bảo lợi ích tốt nhất cho hai con, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và Điều 6 Nghị quyết số 01/2024 ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do chị N không yêu cầu, anh D không có quan điểm nên không đặt ra giải quyết. Chị N và anh D có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[2.3] Về tài sản: Chị Mè Thị N và anh Vũ Đức D không có tài sản chung và không có nợ chung. Chị N cũng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Anh D có quyền yêu cầu giải quyết về quan hệ tài sản khi cần thiết.

[2.4] Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 4, Điều 6 Nghị quyết số 01/2024 ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án:

1. **Về quan hệ hôn nhân**: Xử cho chị Mè Thị N được ly hôn anh Vũ Đức D.

2. Về quan hệ con chung: Chị Mè Thị N được ly hôn anh Vũ Đức D có hai con chung là Vũ Đức Minh N, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2017 và Vũ Minh A, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2021. Xử giao cho chị Mè Thị N trực tiếp nuôi

dưỡng con chung Vũ Minh A; Giao cho anh Vũ Đức D trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Đức Minh N Không đặt ra giải quyết việc cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Chị Mè Thị N và anh Vũ Đức D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

Chị Mè Thị N và anh Vũ Đức D có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Mè Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001896 ngày 08 tháng 10 năm 2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5- Hưng Yên thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Mè Thị N và anh Vũ Đức D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận**:*
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Hưng Yên;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5- Hưng Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Vũ Tiên, tỉnh Hưng Yên;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Bùi Thị Thoan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thoan